

CAO HOÁC HƯƠNG CHÍNH KHÍ

Công thức

Bạch chi (<i>Angelicae dahuricae Radix</i>)	240 g
Hậu phác chế gừng (<i>Magnoliae officinalis Cortex Praeparatum</i>)	160 g
Bán hạ chế gừng (<i>Pinelliae Rhizoma Praeparatum</i>)	160 g
Hoắc hương (<i>Pogostemonis Herba</i>)	240 g
Cam thảo (<i>Glycyrrhizae Radix et Rhizoma</i>)	80 g
Bạch linh (<i>Poria</i>)	240 g
Thương truật (<i>Atractylodis Rhizoma</i>)	160 g
Đại phúc bì (<i>Arecae catechi Pericarpium</i>)	240 g
Tía tô (<i>Folium Perillae frutescentis</i>)	240 g
Trần bì (<i>Citri reticulatae Pericarpium Perenne</i>)	160 g
Đại táo (<i>Ziziphi jujubae Fructus</i>)	130 g
Cát cánh (<i>Platycodonis grandiflori Radix</i>)	160 g
Nước vừa đủ (<i>Aqua q.s</i>)	2000 ml

Bào chế

Hậu phác chế gừng, Bán hạ chế gừng theo quy định trong chuyên luận riêng.

Hậu phác chế Gừng: Chiết hồi lưu với 300 ml ethanol 60 % trong 1 h, lọc lấy dịch chiết.

Thương truật, Trần bì, Bạch chi, Hoắc hương, Tía tô: Chiết bằng cát kéo hơi nước, thu được dịch cất chứa các chất bay hơi.

Bạch linh: Cho nước vừa ngập dược liệu, đun đến sôi và giữ nóng ở 80 °C trong 3 h, gạn lấy dịch chiết, lọc. Chiết lặp lại như trên trong 2 h, lọc, gộp các dịch lọc.

Ngâm Bán hạ chế, Đại phúc bì đến trương nở, sắc trong 3 h và lọc, sắc 2 lần. Đại táo, Cát cánh, Cam thảo được sắc kỹ, lọc.

Gộp các dịch lọc trên và cô đến còn khoảng 1000 ml. Để nguội, thêm ethanol 96 % đến khi tủa hoàn toàn (để yên 24 h) và lọc. Thêm dịch chiết của Hậu phác. Phối hợp các dịch cất có chứa các chất bay hơi ở trên, trộn kỹ và thêm nước tới khoảng 1900 ml, để nơi mát 24 h và lọc. Thêm chất bảo quản, thêm nước vừa đủ tới 2000 ml. Lọc, đóng lọ 10 ml.

Chế phẩm phải đạt các yêu cầu trong chuyên luận “Cao thuốc” (Phụ lục 1.1) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Dung dịch nâu trong, vị cay, đắng.

Định tính

A. Định tính Thương truật

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: *Ether dầu hòa (60 °C - 90 °C) - ethyl acetat (20 : 1)*.

Dung dịch thử: Lấy 30 ml chế phẩm cho vào bình nón có nút mài, thêm 40 ml *n-hexan (TT)* lắc kỹ 15 min, để qua đêm, gạn lấy dịch chiết *n-hexan*, cho bay hơi hết dung môi. Hòa lẫn vào 1 ml *ethanol (TT)* được dung dịch thử.

Dung dịch đối chiếu: Lấy 2 g Thương truật (mẫu chuẩn) đã tán nhỏ và tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử bắt đầu từ “thêm 40 ml *n-hexan (TT)*...”.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai, lấy bản mỏng ra, bay hơi hết dung môi, sấy nhẹ ở 70 °C đến 80 °C rồi phun dung dịch *p-dimethyl aminobenzaldehyd 5 % (TT)*, sấy bản mỏng ở 120 °C cho đến khi hiện rõ vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải cho các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

B. Định tính Hoắc hương

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: *Toluen*.

Dung dịch thử: Lấy 50 ml chế phẩm, bốc hơi đến còn 10 ml, thêm 20 ml *n-hexan (TT)*, lắc kỹ, gạn lấy dịch *n-hexan*, bay hơi hết dung môi. Hòa lẫn vào 1 ml *ethanol (TT)* được dung dịch chấm sắc ký.

Dung dịch đối chiếu: Lấy 6 g Hoắc hương (mẫu chuẩn) tán nhỏ. Tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử bắt đầu từ “thêm 20 ml *n-hexan (TT)*...”.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai, lấy bản mỏng ra, để bay hơi hết dung môi, sấy nhẹ ở 70 °C đến 80 °C rồi phun dung dịch *vanilin 1 % trong acid sulfuric (TT)*, sấy bản mỏng ở 120 °C cho đến khi hiện màu rõ vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

C. Định tính Bạch chi

Lấy khoảng 10 ml chế phẩm cho vào cốc sứ, dùng phễu thủy tinh cuốn dài dầy lên cốc sứ, nút cuốn bằng bông ẩm. Đun cách tấm amiăng trong khoảng 10 min, để nguội cho nước bay hơi, quan sát trên cuốn phễu thủy tinh, phải có bột trắng hoặc các tinh thể hình trụ bám vào.

Độ trong và độ đồng nhất

Sánh, đồng nhất, không được có váng mốc, bã dược liệu và vật lạ (Phụ lục 1.1)

Tỷ trọng

Ở 20 °C: $\geq 1,01$ (Phụ lục 6.5, phương pháp dùng tỷ trọng kế).

pH

4,5 đến 6,5 (Phụ lục 6.2).

Cẩn sau khi làm khô

Lượng cẩn khô của chế phẩm không được dưới 5,3 % (kl/kl) (Phụ lục 12.15).

Cân chính xác 10 g chế phẩm để thử.

Bảo quản

Trong lọ màu nâu kín, để nơi mát.

Công năng, chủ trị

Giải biểu hoá thấp, điều khí để điều hòa khí trung tiêu. Chủ trị: Ngoại cảm phong hàn, nội thương thấp trệ hay trúng thử gây nên đau đầu, chóng mặt, cảm giác nặng đầu, tức ngực, thượng vị đau trướng, nôn mửa, tiêu chảy, tỷ vị hàn.

CAO HY THIÊM

Cách dùng, liều lượng

Dùng 5 ml/lần đến 10 ml/lần, 2 lần một ngày.

Lắc kỹ trước khi dùng.

Kiêng kỵ

Không nên ăn các thứ lạnh, khó tiêu. Thận trọng khi dùng cho người tân dịch thiếu, háo khát âm hư.

CAO HY THIÊM

Công thức

Hy thiêm (<i>Siegesbeckiae Herba</i>)	1000 g
Thiên niên kiện (<i>Homalomenae occultae Rhizoma</i>)	50 g
Ethanol 90 % (<i>Ethanolum 90 %</i>)	230 ml
Đường trắng (<i>Saccharum</i>)	130 g
Nước vừa đủ (<i>Aqua q.s</i>)	1000 ml

Bào chế

Hy thiêm loại bỏ tạp chất, rửa sạch, thái đoạn dài 10 cm đến 15 cm. Thiên niên kiện loại bỏ tạp chất, rửa sạch, thái mỏng. Cho các dược liệu vào nồi, dùng vỉ ghim chặt cho dược liệu khỏi bong lên, đổ ngập nước 10 cm. Đun sôi trong 2 h (chú ý bù lượng nước bay hơi). Gạn lấy dịch chiết. Chiết tiếp như trên thêm 2 lần nữa. Gộp các dịch chiết, cô còn khoảng 500 ml. Để lắng và lọc trong. Thêm đường trắng, đun sôi để hòa tan. Để nguội, thêm ethanol 90 %, khuấy đều, lọc. Thêm nước vừa đủ 1000 ml và róng chai.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận "Cao thuốc" (Phụ lục 1.1) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Chất lỏng màu đen, vị ngọt đắng, mùi thơm của Thiên niên kiện.

Định tính

Định tính Hy thiêm.

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: *Cloroform - methanol* (9 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 10 ml chế phẩm, pha loãng với 10 ml nước, chuyển vào bình gạn, lắc với *ethyl acetat* (TT) 2 lần, mỗi lần 20 ml. Gộp các dịch chiết *ethyl acetat*, cô trên cách thủy tới cạn. Hòa cồn trong 2 ml *ethanol* (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 5 g Hy thiêm (mẫu chuẩn) đã cắt nhỏ, đun sôi nhẹ với 100 ml nước trong khoảng 1 h (chú ý bù nước bay hơi), lọc. Cô dịch lọc còn khoảng 30 ml, để nguội, chuyển vào bình gạn, lắc với *ethyl acetat* (TT) 2 lần, mỗi lần 25 ml. Gộp các dịch chiết *ethyl acetat*, cô trên cách thủy tới cạn. Hòa cồn trong 1 ml *ethanol* (TT).

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng, phun dung dịch *acid sulfuric 10 %* (TT), sấy bản mỏng ở 110 °C cho tới khi hiện rõ vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các

DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM VI

vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ trong và độ đồng nhất

Sánh, đồng nhất, không được có váng mốc, bã dược liệu và vật lạ (Phụ lục 1.1).

Hàm lượng ethanol

18 % đến 20 % (tt/tt) (Phụ lục 10.12).

Tỷ trọng

Ở 20 °C: 1,05 đến 1,10 (Phụ lục 6.5, Phương pháp dùng tỷ trọng kế).

Bảo quản

Đựng trong lọ kín để nơi mát.

Công năng, chủ trị

Thanh nhiệt, trừ thấp, tán phong, thông kinh chi thống. Chủ trị: Các chứng phong thấp sưng nóng đỏ đau, chân tay tê bại, đau lưng mỏi gối do phong thấp nhiệt gây nên.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng 60 ml, chia làm 3 lần. Bệnh nặng dùng nhiều hơn.

Kiêng kỵ

Không dùng cho người phong thấp có hư hàn.

CAO ÍCH MẪU

Công thức

Hương phụ chế giấm (<i>Cyperi Rhizoma Praeparatum</i>)	250 g
Ích mẫu (<i>Leonuri japonici Herba</i>)	800 g
Ngải cứu (<i>Artemisiae vulgaris Herba</i>)	200 g
Acid benzoic (<i>Benzoicum Acidum</i>)	2 g
Ethanol 90 % (<i>Ethanolum 90 %</i>)	180 ml
Đường trắng (<i>Saccharum</i>)	600 g
Nước vừa đủ (<i>Aqua q.s</i>)	1000 ml

Bào chế

Hương phụ chế giấm theo chuyên luận riêng. Ích mẫu, Ngải cứu loại bỏ tạp chất, rửa sạch, thái đoạn dài 5 cm đến 10 cm, trộn đều. Lấy một nửa lượng Ích mẫu và Ngải cứu xếp dưới đáy nồi, giữa để Hương phụ, trên cùng cho nốt phần Ích mẫu, Ngải cứu còn lại. Lây vỉ ghim chặt dược liệu, đổ nước ngập dược liệu 10 cm. Đun sôi đều trong 4 h (chú ý bù nước bay hơi). Gạn lấy dịch chiết, để lắng, lọc trong. Chiết tiếp như trên từ 2 đến 3 lần nữa. Gộp dịch chiết, cô đặc còn khoảng 600 ml, thêm đường trắng và đun sôi để hòa tan đường. Thêm ethanol 90 %, thêm acid benzoic và thêm nước vừa đủ 1000 ml. Lọc và đóng chai.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận "Cao thuốc" (Phụ lục 1.1) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Chất lỏng sánh màu nâu đen, thơm mùi dược liệu, vị ngọt hơi đắng.

Định tính

A. Định tính Ích mẫu